

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI

CHUYÊN NGÀNH 1: KHOA HỌC VẬT NUÔI (CN1)

CHUYÊN NGÀNH 2: DINH DƯỠNG VÀ CÔNG NGHỆ THỨC ĂN CHĂN NUÔI (CN2)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**TY02001: GIẢI PHẪU VẬT NUÔI 1 (DOMESTIC ANIMAL ANATOMY 1)**

**I. Thông tin về học phần**

- Học kì: 3
- Tín chỉ: 3 (**Lý thuyết 2 – Thực hành 1 - Tự học: 9**)
  - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
  - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 15 tiết (x2=30 tiết thực học)
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Giải phẫu – Tổ chức – Phôi thai học
  - Khoa; Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>				Chuyên ngành <input type="checkbox"/>			
		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 2 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 2 <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành:
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

**II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi**

**\* Mục tiêu:**

**- Kiến thức:**

- + Trình bày được cấu tạo thực thể của cơ thể theo hệ cơ quan
- + Phân tích được mối liên hệ về vị trí, chức năng giữa các cơ quan trong từng hệ cơ quan; giữa các hệ cơ quan trong cơ thể

**- Kỹ năng:**

- + **Xác định** được vị trí; **mô tả** được hình thái và cấu tạo đại thể; **hiểu** được các chức năng chính của các cơ quan thuộc từng hệ cơ quan trong cơ thể động vật có vú và gia cầm.

+ So sánh và nhận biết các cơ quan thuộc các hệ cơ quan của một số động vật nuôi chính: Lợn, Bò, Chó, Mèo

- + Thực hiện được các thao tác mổ, bóc tách cơ thể động vật

**- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

Tỉ mỉ, cẩn thận, không ngại khó



**\* Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

<b>Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi</b> Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức tổng quát	<b>CĐR1: Áp dụng</b> các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi
Kiến thức chuyên ngành	<b>CĐR 2: Phân tích</b> các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
	<b>CĐR 3: Đánh giá</b> hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
	<b>CĐR 4: Thiết kế</b> các chương trình tổ chức sản xuất chăn nuôi đảm bảo chăn nuôi bền vững
Kỹ năng tổng quát	<b>CĐR 5: Vận dụng</b> tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
	<b>CĐR 6: Phối hợp</b> làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
	<b>CĐR 7: Giao tiếp</b> hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên ngành	<b>CĐR 8: Vận dụng</b> các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi có hiệu quả
	<b>CĐR 9: Ứng dụng</b> kỹ thuật, công nghệ và các mô hình chăn nuôi vào sản xuất chăn nuôi bền vững
	<b>CĐR 10: Sử dụng</b> công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra
	<b>CĐR 11: Thực hiện</b> thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Thái độ	<b>CĐR 12: Tuân thủ</b> pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	<b>CĐR 13:</b> Thể hiện <b>trách nhiệm</b> bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	<b>CĐR 14:</b> Thể hiện <b> tinh thần</b> học tập suốt đời

**\* Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ I, P, R, M

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
TY 02001	Giải phẫu vật nuôi 1		P			I		
		CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR14

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Giải thích rõ ràng cách tiếp cận về cấu tạo thực thể của cơ thể	CĐR2



K2	Phân tích được mối liên hệ về vị trí, chức năng giữa các cơ quan trong từng hệ cơ quan; giữa các hệ cơ quan trong cơ thể	CDR2
Kỹ năng		
K3	Xác định được vị trí, hình thái và cấu tạo đại thể và các chức năng chính của các cơ quan thuộc từng hệ cơ quan trong cơ thể động vật có vú và gia cầm.	CDR5
K4	Mô tả so sánh các cơ quan thuộc các hệ cơ quan của một số động vật nuôi chính: Lợn, Bò, Chó, Mèo	CDR5
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Thể hiện sự tỉ mỉ, cẩn thận, kiên trì, chủ động	-

### III. Nội dung tóm tắt của học phần (Không quá 100 từ)

TY02001 Giải phẫu vật nuôi 1 (3-2-1-9)

Học phần giới thiệu cấu trúc cơ thể của các động vật nuôi: Bò, Trâu, Lợn, Ngựa, Chó, Mèo, Gia cầm. Nội dung chính của môn học bao gồm: Giới thiệu về các hệ cơ quan trong cơ thể (hệ xương, hệ cơ, hệ thần kinh và các giác quan, hệ tuần hoàn, hệ bạch huyết, hệ nội tiết, hệ tiêu hoá, hệ hô hấp, hệ tiết niệu, hệ sinh dục); vị trí, hình thái, cấu tạo đại thể, phân bố mạch quản-thần kinh, chức năng của cơ quan và mối liên hệ giữa các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể.

### IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

#### 1. Phương pháp giảng dạy

Thuyết trình

Hướng dẫn thực hành

Giảng dạy trực tuyến

#### 2. Phương pháp học tập

Nghe giảng và thảo luận

Tự học trong giờ thực hành

Học tập trực tuyến

### V. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Tham gia các buổi lên lớp lý thuyết theo quy định chung

+ Bắt buộc tham dự tất cả các giờ thực tập/thực hành

+ Đọc tài liệu trước các giờ học lý thuyết và giờ thực hành.

+ Hoàn thành các nội dung kiểm tra cuối mỗi buổi thực hành và sau đợt thực hành

### VI. Đánh giá và cho điểm

#### 1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm chuyên cần: 10 %



- Điểm quá trình/Điểm kiểm tra giữa kì: 30%
- Điểm kiểm tra cuối kì: 60%

### 3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
<b>Đánh giá quá trình</b>			
Rubric 1. Chuyên cần	K1, K2	10	1-8
Rubric 2. Đánh giá thực hành	K3, K4, K5	30	3-8
<b>Đánh giá cuối kì</b>			
Rubric 3. Đánh giá cuối kỳ	K1, K2, K3, K4	60	Sau tuần 8

#### Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Chủ động, đúng giờ, tích cực trả lời câu hỏi	Chú ý, trả lời tốt câu hỏi	Có chú ý, không tham gia thảo luận và trả lời câu hỏi	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	SV tham gia 80% số buổi trở lên thì được đủ 50%; vắng 1 buổi không lý do chính đáng bị trừ 10%.			

#### Rubric 2: Đánh giá thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8-10 điểm	Khá 6.5-8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Thái độ tham dự	20	Tích cực học và trao đổi	Có tham gia thảo luận	Ít tham gia thảo luận	Không tham gia thảo luận
Kết quả thực hành	40	Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Đáp ứng phần lớn yêu cầu	Đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu,	Kết quả không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
	40	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng

#### Rubric 3 : Đánh giá cuối kì

Thi cuối kì: dạng bài thi tự luận

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Giải phẫu hệ xương	Chỉ báo 1: Trình bày được các nội dung phân loại xương và khớp; mô tả được hình thái và cấu tạo xương và khớp; thành phần hóa học của xương;	K1, K2, K3, K4
Giải phẫu hệ cơ	Chỉ báo 2: Trình bày được các nội dung phân loại cơ; mô tả được hình thái và cấu tạo của cơ vân; thành phần hóa học của vân	K1, K2, K3, K4
Giải phẫu hệ thần kinh	Chỉ báo 3: Mô tả cấu trúc thần kinh	K1, K2, K3, K4



	trung ương; so sánh được các đặc điểm khác biệt giữa thần kinh động vật và thần kinh thực vật, thần kinh giao cảm và thần kinh phó giao cảm; vẽ sơ đồ và trình bày được phân bố thần kinh thực vật	
Giải phẫu hệ tim mạch và lympho	Chỉ báo 4: Mô tả được vị trí, hình thái, cấu tạo và chức năng của tim; vẽ và mô tả hai vòng tuần hoàn; vẽ sơ đồ và mô tả được phân bố của các mạch quản lớn trong cơ thể; tên, vị trí, hình thái và cấu tạo của các cơ quan lympho; đường đi của các ống lympho	K1, K2, K3, K4
Giải phẫu hệ tiêu hóa	Chỉ báo 5: Trình bày được cấu tạo đại thể hệ tiêu hóa: ống tiêu hóa; tên, vị trí, hình thái, cấu tạo đại thể và chức năng của từng cơ quan/từng xoang thuộc/liên quan đến hệ tiêu hóa	K1, K2, K3, K4
Giải phẫu hệ hô hấp	Chỉ báo 6: Trình bày được cấu tạo đại thể hệ hô hấp: ống dẫn khí; tên, vị trí, hình thái, cấu tạo đại thể và chức năng của từng cơ quan/từng xoang thuộc/liên quan đến hệ hô hấp	K1, K2, K3, K4
Giải phẫu hệ niệu	Chỉ báo 7: Trình bày được cấu tạo đại thể hệ niệu: tên, vị trí/đường đi, hình thái, cấu tạo đại thể và chức năng của từng cơ quan/từng xoang thuộc/liên quan đến hệ niệu	K1, K2, K3, K4
Hệ sinh dục	Chỉ báo 8: Trình bày được cấu tạo đại thể hệ sinh dục đực và hệ sinh dục cái: tên, vị trí/đường đi, hình thái, cấu tạo đại thể và chức năng của từng cơ quan/từng xoang thuộc/liên quan đến hệ sinh dục	K1, K2, K3, K4
Các tuyến nội tiết	Chỉ báo 9: Trình bày được tên, vị trí, hình thái, cấu tạo đại thể và chức năng chính của các tuyến nội tiết	K1, K2, K3, K4
Giải phẫu gia cầm	Chỉ báo 10: Trình bày được các đặc điểm giải phẫu đại thể (chung) cho các loài chim theo từng hệ cơ quan nêu được sự khác nhau về cấu trúc đại thể các hệ cơ quan của chim và của thú.	K1, K2, K3, K4

#### 4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Chủ động chuẩn bị bài và trả lời các câu hỏi thảo luận trên lớp

- Bắt buộc tham dự 100% giờ thực hành
- Cần thận, tỉ mỉ, không sợ khó

## VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

\* **Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình)**

**- Giáo trình, bài giảng**

Phạm Thị Xuân Vân (1982). Giáo trình giải phẫu gia súc. Nhà xuất bản Nông nghiệp

Nguyễn Bá Tiếp và cs (2014) Bài giảng môn học giải phẫu vật nuôi

**- Tài liệu tham khảo:**

Phạm Thị Xuân Vân, Trần Duy Ty, Phạm Văn TỰ (1992). Giáo trình Giải phẫu cục bộ gia súc . Nhà xuất bản Nông nghiệp.

Đỗ Xuân Hợp (1965). Giải phẫu đầu mặt và ngũ quan . Giải phẫu vùng ngực 1965. Giải phẫu vùng

Melanie Cappello (2009). Introduction to Veterinary Anatomy and Physiology TEXTBOOK Second Edition. Butterworth Heinemann Elsevier

Thomas O. McCracken, Robert A. Kainer, Thomas L. Spurgeon (2006). Spurgeon's Color Atlas of Large Animal Anatomy – The Essentials. Blackwell Publishing

## VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1	<b>Chương 1: Bộ xương (3 tiết)</b>	
	1.1 Giới thiệu về bộ xương 1.2. Hình thái và phân loại xương. 1.3 Cấu tạo, thành phần hoá học của xương 1.4 Sự phát sinh và phát triển các loại xương. 1.5 Phân loại khớp và cấu tạo khớp.	K1, K2
	<b>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (3 .tiết)</b> Nhận diện và mô tả các xương đầu Nhận diện và mô tả các xương thân Nhận diện và mô tả các xươngchi trước Nhận diện và mô tả các xương chi sau Xác định vị trí và các xương tạo thành các khớp	K3, K4, K5
	<b>Các nội dung cần tự học ở nhà: Tất cả các nội dung học trên lớp</b>	
2	<b>Chương 2: Hệ cơ (2 tiết)</b>	



	<p>2.1. Giới thiệu về hệ cơ</p> <p>2.2 Phân loại cơ</p> <p>2.3 Cấu tạo và thành phần hoá học của cơ</p> <p>2.4 Phân tích sự hoạt động của cơ trong cơ thể</p> <p>2.5 Các cấu tạo hỗ trợ cho hoạt động của cơ</p>	K1, K2
	<b>Các nội dung cần tự học ở nhà: Tất cả các nội dung học trên lớp</b>	
3	<b>Chương 3: Hệ tiêu hóa (4 tiết)</b>	
	<p>3.1. Đại cương về hệ tiêu hóa.</p> <p>3.2. Xoang miệng và tuyến nước bọt</p> <p>3.3. Hàu</p> <p>3.4. Thực quản</p> <p>3.5. Xoang bụng và xoang phúc mạc</p> <p>3.6. Dạ dày</p> <p>3.7. Ruột non</p> <p>3.8. Ruột già</p> <p>3.9. Gan</p> <p>3.10. Tụy</p>	<p>K1</p> <p>K2</p>
	<p><b>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2,5.tiết)</b></p> <p>- Nhận biết và mô tả các cơ quan thuộc hệ tiêu hóa</p> <p>- So sánh đặc điểm hình thái các cơ quan hệ tiêu hóa của các loài vật nuôi</p> <p>- Xoang bụng và xoang phúc mạc</p>	K4, K5
	<b>Các nội dung cần tự học ở nhà: Tất cả các nội dung học trên lớp</b>	
4	<b>Chương 4 . Hệ hô hấp (2 tiết)</b>	
	<p>4.1. Đại cương về hệ hô hấp.</p> <p>4.2. Xoang mũi</p> <p>4.3. Hàu</p> <p>4.4. Thanh quản</p> <p>4.5. Khí quản và cây phế quản</p> <p>4.6. Phổi</p> <p>4.7. Xoang ngực và xoang phế mạc</p>	K1, K2
	<p><b>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (2,5..tiết)</b></p> <p>- Nhận biết và mô tả các cơ quan thuộc hệ hô hấp</p> <p>- So sánh đặc điểm hình thái các cơ quan hệ hô hấp của các loài vật nuôi</p> <p>- Xoang ngực và xoang phế mạc</p>	K3, K4, K5,
	<b>Các nội dung cần tự học ở nhà: Tất cả các nội dung học trên lớp</b>	
5	<b>Chương 5 . Hệ niệu (2 tiết)</b>	
	<p>5.1. Giới thiệu về hệ tiết niệu và mối quan hệ giải phẫu giữa hệ tiết niệu và hệ sinh dục.</p> <p>5.2. Thận</p>	K1, K2





	<b>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (0,5 tiết)</b> - <i>Vin trí, hình thái của tim</i> - <i>Một số mạch quản lớn</i>	K3, K4, K5,
	<b>Các nội dung cần tự học ở nhà: Tất cả các nội dung học trên lớp</b>	
	<i>Chương 8: Các tuyến nội tiết ( 2 tiết)</i>	
9	8.1. Khái niệm về tuyến nội tiết. 8.2. Các đặc trưng của tuyến nội tiết và hormon 8.3. Các tuyến nội tiết : Tuyến yên, tuyến tùng, tuyến giáp, tuyến cận giáp, tuyến ức, tuyến thượng thận. 8.4. Các nhóm tế bào nội tiết: Đảo tụy, Tuyến kẽ dịch hoàn, Buồng trứng và nhau thai.	K1, K2
	<b>Các nội dung cần tự học ở nhà: Tất cả các nội dung học trên lớp</b>	
	<b>Chương 9: Hệ thần kinh và giác quan (4 tiết)</b>	
9-10	9.1. Đại cương về hệ thần kinh . 9.2. Thần kinh trung ương: Não, Tuỷ sống 9.3. Thần kinh ngoại biên : Thần kinh sọ, thần kinh tuỷ sống 9.4. Thần kinh thực vật : Thần kinh giao cảm, thần kinh phó giao cảm\ 9.5. Các cơ quan cảm giác - <i>Da và sản phẩm của da</i> - <i>Mắt, Tai</i>	K1, K2
	<b>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (1 tiết)</b> - Mô tả các phần của não và màng não - Mô tả tuỷ sống	K3, K4, K5,
	<b>Các nội dung cần tự học ở nhà: Tất cả các nội dung học trên lớp</b>	
	<b>Chương 10: Giải phẫu gia cầm ( 3 tiết)</b>	K1, K2
10	10.1 Đại cương về giải phẫu gia cầm 10.2. Những đặc điểm giải phẫu các hệ cơ quan 10.2.1. Hệ xương 10.2.2. Hệ cơ 10.2.3. Hệ tiêu hóa 10.2.4. Hệ hô hấp 10.2.5. Hệ tiết niệu 10.2.6. Hệ sinh dục 10.2.7. Hệ tim mạch và bạch huyết 10.2.8. Hệ thần kinh 10.2.9. Tuyến nội tiết	K3, K4, K5,
	<b>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (1 tiết):</b> Các cơ quan thuộc từng hệ cơ quan trong cơ thể gia cầm	
	<b>Các nội dung cần tự học ở nhà: Tất cả các nội dung học trên lớp</b>	



### IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- + Giảng đường có thiết bị phục vụ trình chiếu
- + Bố trí nhóm thực hành không quá 25 sinh viên/nhóm
- + Phân bổ kinh phí đảm bảo duy trì và mua mới/làm mới định kỳ hàng năm tiêu bản thực tập
- + Tặng kinh phí đảm bảo mua động vật để mổ

### X. Các đợt cải tiến

Lần 1: 7/2018

Lần 2: 7/2019: Sử dụng hệ thống MS Team trong giảng dạy

Lần 3: 7/2020: Sử dụng hệ thống MS Team trong giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

Lần 4: 7/2021

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022  
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

*Hồng Minh Sơn*

TRƯỞNG KHOA

*Hồng Minh*

KT. GIÁM ĐỐC



*Phạm Văn Cường*  
PHÓ GIÁM ĐỐC

*Rui Trần Anh Đào*



**PHỤ LỤC**  
**THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

**Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên: Nguyễn Bá Tiếp	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ: 091 265 9325
Email: nbtiep@vnua.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

**Giảng viên 2**

Họ và tên: Trịnh Đình Thâu	Học hàm, học vị: PGS Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

**Giảng viên 3**

Họ và tên: Lại Thị Lan Hương	Học hàm, học vị: PGS Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

**Giảng viên 4**

Họ và tên: Lê Ngọc Ninh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

**Giảng viên 5**

Họ và tên: Vũ Đức Hạnh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

**Giảng viên 6**

Họ và tên: Hoàng Minh	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y Học viện NNVN	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	